

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2013/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 30 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế kiểm tra và xử lý văn bản
quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2013/QĐ-UBND

Ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Văn bản được kiểm tra và xử lý theo Quy chế này gồm:

a) Các văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp ban hành.

b) Các văn bản có chứa QPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức là nghị quyết của HĐND, quyết định, chỉ thị của UBND; văn bản có thể thức và nội dung như văn bản QPPL, văn bản có thể thức không phải là văn bản QPPL nhưng có chứa QPPL do Chủ tịch HĐND, Thường trực HĐND, các cơ quan của HĐND cấp huyện, cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, Trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện ban hành.

Điều 2. Mục đích và nội dung kiểm tra văn bản

1. Mục đích của việc kiểm tra văn bản là nhằm phát hiện những nội dung trái pháp luật, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tế để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, hủy bỏ hoặc bãi bỏ văn bản, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản trái pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra văn bản là việc xem xét, đánh giá và kết luận tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản theo các nội dung được quy định tại Điều 3 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 40/2010/NĐ-CP) và Điều 3 Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm

tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 20/2010/TT-BTP).

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra văn bản, xử lý văn bản trái pháp luật

1. Việc kiểm tra văn bản, xử lý văn bản trái pháp luật phải đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

2. Công tác kiểm tra, xử lý văn bản phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.

Điều 4. Phương thức kiểm tra văn bản; cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra

a) Việc kiểm tra văn bản được tiến hành bằng các phương thức theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

b) Cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 20/2010/TT-BTP.

Chương II

TỰ KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 5. Trách nhiệm tự kiểm tra

1. HĐND, UBND các cấp phải tự kiểm tra văn bản QPPL do mình ban hành ngay sau khi văn bản được ban hành; khi nhận được thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản hoặc yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các phương tiện thông tin đại chúng.

Trách nhiệm cụ thể như sau:

a) Giám đốc Sở Tư pháp là đầu mối giúp UBND tỉnh tự kiểm tra văn bản do UBND tỉnh ban hành.

b) Trưởng ban Pháp chế HĐND cấp huyện là đầu mối giúp HĐND cấp huyện tự kiểm tra văn bản do HĐND cấp huyện ban hành.

c) Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện là đầu mối giúp UBND cấp huyện tự kiểm tra văn bản do UBND cấp huyện ban hành.

d) Công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã là đầu mối giúp HĐND, UBND cấp xã tự kiểm tra văn bản do HĐND, UBND cấp xã ban hành.

đ) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện việc tự kiểm tra các văn bản do cơ quan mình tham mưu trình cơ quan có thẩm quyền ban hành theo ngành, lĩnh vực trước khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hoặc khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không còn phù hợp.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phải kịp thời cung cấp thông tin, tư liệu, tài liệu cần thiết và phối hợp với Sở Tư pháp, Ban Pháp chế HĐND huyện,

Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã giúp HĐND, UBND cùng cấp thực hiện việc tự kiểm tra văn bản.

Điều 6. Gửi và nhận văn bản tự kiểm tra

1. Đối với văn bản QPPL đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký ban hành khi phát hành văn bản, đơn vị phát hành văn bản có trách nhiệm đồng thời gửi văn bản cho đơn vị được phân công kiểm tra văn bản đó để thực hiện việc tự kiểm tra. Cụ thể:

a) Văn bản QPPL của UBND tỉnh gửi đến Sở Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

b) Văn bản QPPL của UBND cấp huyện gửi đến Phòng Tư pháp. Văn bản QPPL của HĐND cấp huyện gửi đến Ban pháp chế HĐND cấp huyện.

c) Văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp xã gửi đến Công chức Tư pháp - hộ tịch.

2. Khi nhận được văn bản nêu tại Khoản 1 Điều này Sở Tư pháp, Ban Pháp chế HĐND huyện, phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã có trách nhiệm cập nhật vào “Sổ văn bản đến” và tiến hành tự kiểm tra văn bản theo quy định.

Điều 7. Quy trình thực hiện việc tự kiểm tra văn bản

1. Khi nhận được văn bản, thủ trưởng cơ quan thực hiện việc tự kiểm tra quy định tại Điều 5 Quy chế này phân công phòng chuyên môn, cán bộ chuyên trách thực hiện hoặc giao cho cộng tác viên kiểm tra văn bản thực hiện.

2. Người được phân công kiểm tra văn bản có trách nhiệm đối chiếu nội dung văn bản được kiểm tra với văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 20/2010/TT-BTP để xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản được kiểm tra; phải ký tên và ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra vào góc trên của văn bản đã kiểm tra. Khi thực hiện kiểm tra văn bản, nếu phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì người kiểm tra phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan tự kiểm tra văn bản về kết quả kiểm tra và đề xuất hướng xử lý thông qua phiếu kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật (Mẫu số 01/BTP/KTrVB ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BTP).

3. Khi thực hiện việc tự kiểm tra văn bản, phát hiện văn bản có nội dung trái pháp luật hoặc không còn phù hợp, cơ quan, đơn vị được phân công kiểm tra có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ kiểm tra văn bản. Hồ sơ bao gồm:

- Phiếu kiểm tra văn bản (theo mẫu số 01/BTP/KTrVB ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BTP);

- Văn bản được kiểm tra;

- Văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra;

- Các tài liệu khác có liên quan.

b) Thông báo ngay cho cơ quan, đơn vị đã chủ trì soạn thảo, trình văn bản, đồng thời phối hợp trao đổi để thống nhất xác định những nội dung trái pháp luật hoặc không còn phù hợp, các biện pháp xử lý.

c) Báo cáo với cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản để xem xét, thực hiện việc tự xử lý theo quy định.

Điều 8. Xử lý văn bản trái pháp luật qua việc tự kiểm tra

1. Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm xử lý kịp thời văn bản trái pháp luật đã ban hành.

2. Đối với văn bản trái pháp luật, báo cáo kết quả tự kiểm tra gồm những nội dung cơ bản sau đây:

a) Xem xét, đánh giá nội dung, mức độ trái pháp luật của văn bản và hướng xử lý; biện pháp khắc phục hậu quả do văn bản trái pháp luật gây ra (nếu có); thời hạn xử lý văn bản đó;

b) Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của cán bộ, công chức tham mưu soạn thảo, thẩm định, thẩm tra và thông qua văn bản.

3. Kết quả tự xử lý văn bản phải được công bố theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này. Trường hợp thực hiện việc tự kiểm tra khi nhận được thông báo của cơ quan kiểm tra thì phải thông báo cho cơ quan kiểm tra văn bản biết theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

Chương III

KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THEO THẨM QUYỀN

Điều 9. Thẩm quyền kiểm tra văn bản theo thẩm quyền

1. Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức kiểm tra văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra văn bản do HĐND, UBND cấp xã ban hành.

3. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thực hiện việc kiểm tra văn bản được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 10. Gửi và nhận văn bản kiểm tra theo thẩm quyền

1. Trong thời hạn chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký ban hành, thông qua, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã phải gửi văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản theo quy định sau đây:

a) Văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành gửi đến Sở Tư pháp.

b) Văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành gửi đến phòng Tư pháp.

2. Các văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành phải ghi rõ trong mục “Nơi nhận” của văn bản tên của cơ quan kiểm tra văn bản mà mình có trách nhiệm gửi văn bản đến để kiểm tra.

3. Khi nhận được văn bản nêu tại khoản 1 Điều này, cơ quan kiểm tra văn bản có trách nhiệm cập nhật vào “Sổ văn bản đến” và tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền quy định.

Điều 11. Quy trình thực hiện việc kiểm tra văn bản theo thẩm quyền

1. Khi nhận được văn bản, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp phân công phòng chuyên môn, chuyên viên chuyên trách hoặc giao cho cộng tác viên tiến hành kiểm tra văn bản.

2. Người được phân công kiểm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm đối chiếu nội dung văn bản được kiểm tra với văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật quy định tại Điều 6 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 20/2010/TT-BTP để xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp hiến, tính hợp pháp của văn bản được kiểm tra.

3. Người được phân công kiểm tra văn bản phải ký tên và ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra vào góc trên của văn bản mà mình đã kiểm tra (để xác nhận việc kiểm tra, thời điểm kiểm tra) và lập báo cáo kèm theo danh mục những văn bản đã được phân công kiểm tra.

4. Khi kiểm tra văn bản, nếu phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, người kiểm tra phải báo cáo người có thẩm quyền đã giao thực hiện việc kiểm tra về kết quả kiểm tra và đề xuất hướng xử lý thông qua “Phiếu kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật” (theo mẫu số 01/BTP/KTrVB ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BTP).

Tùy theo mức độ, nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra và hậu quả của nội dung trái pháp luật gây ra đối với xã hội, trên cơ sở tính chất, mức độ lỗi của cơ quan, người đã ban hành văn bản, người kiểm tra văn bản có thể đề xuất trong phiếu kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung xem xét, xử lý theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 5 Điều 9 Thông tư số 20/2010/TT-BTP.

5. Lập hồ sơ kiểm tra văn bản, thông báo nội dung văn bản trái pháp luật

a) Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp chỉ đạo bộ phận, chuyên viên, cộng tác viên kiểm tra văn bản lập “Hồ sơ về văn bản có nội dung trái pháp luật” theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 Thông tư số 20/2010/TT-BTP; trường hợp còn có ý kiến khác nhau về nội dung văn bản trái pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn của

UBND cùng cấp có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực văn bản đó điều chỉnh để thống nhất nội dung văn bản trái pháp luật và hình thức xử lý.

b) Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp đã kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thông báo nội dung có dấu hiệu trái pháp luật của văn bản được kiểm tra gửi cơ quan, người đã ban hành văn bản văn đó để tự kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Nội dung văn bản thông báo thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 9 Thông tư số 20/2010/TT-BTP.

6. Trường hợp Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp có thẩm quyền kiểm tra, xử lý văn bản không nhất trí với kết quả xử lý hoặc cơ quan, người đã ban hành văn bản không thông báo kết quả tự kiểm tra, xử lý thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp đã kiểm tra văn bản đó phải báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp để xem xét, xử lý theo quy định.

Thành phần hồ sơ báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 9 Thông tư số 20/2010/TT-BTP.

7. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp phải chỉ đạo phòng chuyên môn, chuyên viên lập “Sổ theo dõi xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật” để theo dõi, đơn đốc việc xử lý văn bản của các cơ quan (theo mẫu số 02/BTP/KTrVB ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BTP).

8. Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện xử lý văn bản trái pháp luật của HĐND, UBND cấp dưới trực tiếp.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo của Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện quy định tại Khoản 6 Điều này, Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 12. Kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực

1. Sở Tư pháp, phòng Tư pháp có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực trình Chủ tịch UBND cùng cấp phê duyệt; thông báo cho cơ quan có văn bản được kiểm tra biết và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Tham mưu đề xuất Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành trong trường hợp cần thiết để thực hiện kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực. Kết thúc đợt kiểm tra, Đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp về kết quả kiểm tra của Đoàn.

c) Tổ chức kiểm tra văn bản theo kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Cơ quan có văn bản được kiểm tra có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị các nội dung, yêu cầu theo kế hoạch kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực của cơ quan kiểm tra văn bản.

b) Phối hợp với cơ quan chủ trì kiểm tra chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ Đoàn kiểm tra và thực hiện kế hoạch kiểm tra.

Chương IV

KIỂM TRA VĂN BẢN CÓ CHỨA QUY PHẠM PHÁP LUẬT BAN HÀNH KHÔNG ĐÚNG HÌNH THỨC, THẨM QUYỀN

Điều 13. Thẩm quyền kiểm tra văn bản có chứa quy phạm pháp luật ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền

1. Giám đốc Sở Tư pháp giúp Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra theo thẩm quyền, xử lý đối với các văn bản có chứa QPPL quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này do HĐND, UBND cấp huyện; Chủ tịch HĐND, Thường trực HĐND, các cơ quan của HĐND huyện; Chủ tịch UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc kiểm tra, xử lý đối với văn bản có chứa QPPL hoặc văn bản có thể thức, nội dung như văn bản QPPL do Giám đốc Sở Tư pháp ban hành.

2. Trưởng phòng Tư pháp giúp Chủ tịch UBND cấp huyện kiểm tra theo thẩm quyền, xử lý đối với các văn bản có chứa QPPL quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này do HĐND, UBND cấp xã; Chủ tịch HĐND, Thường trực HĐND cấp xã; Chủ tịch UBND cấp xã hoặc các cá nhân khác ở cấp xã; Trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện giúp Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra, xử lý đối với văn bản có chứa QPPL hoặc văn bản có thể thức và nội dung như văn bản QPPL do Trưởng phòng Tư pháp ban hành.

Điều 14. Trình tự, thủ tục kiểm tra văn bản có chứa quy phạm pháp luật ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền

1. Khi kiểm tra phát hiện văn bản có chứa QPPL nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL, văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức và nội dung như văn bản QPPL do cơ quan, người không có thẩm quyền quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này ban hành thì cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Quy chế này thông báo cho Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND nơi có văn bản được kiểm tra để chỉ đạo, tổ chức việc tự kiểm tra, hủy bỏ văn bản theo thẩm quyền. Thông báo cũng được gửi đồng thời cho cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật.

2. Khi tự kiểm tra phát hiện hoặc nhận được thông báo của người, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Quy chế này, cơ

quan, người đã ban hành văn bản quy định điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đình chỉ và hủy bỏ nội dung trái pháp luật của văn bản. Trường hợp cơ quan, người đã ban hành văn bản không xử lý thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý hủy bỏ nội dung trái pháp luật của văn bản đó.

Chương V **XỬ LÝ VĂN BẢN TRÁI PHÁP LUẬT**

Điều 15. Thời hạn xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật

1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan, người đã ban hành văn bản phải tổ chức tự kiểm tra, xử lý văn bản đó và thông báo kết quả xử lý cho cơ quan kiểm tra văn bản.

2. Hết thời hạn xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu cơ quan, người đã ban hành văn bản có dấu hiệu trái pháp luật không tự kiểm tra, xử lý hoặc cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý văn bản không nhất trí với kết quả xử lý của cơ quan, người đã ban hành văn bản thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với văn bản đó phải báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền cấp trên trực tiếp xem xét, xử lý theo quy định.

3. Việc HĐND xử lý nghị quyết do mình ban hành có dấu hiệu trái pháp luật phải được tiến hành tại kỳ họp gần nhất của HĐND.

Điều 16. Các hình thức xử lý văn bản trái pháp luật

1. Các hình thức xử lý văn bản trái pháp luật thực hiện theo mục 5 chương III Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

2. Các văn bản có chứa QPPL ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền được xử lý theo Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

Điều 17. Thẩm quyền xử lý văn bản trái pháp luật

1. Chủ tịch UBND tỉnh đình chỉ việc thi hành và hủy bỏ, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của UBND cấp huyện; đình chỉ việc thi hành nghị quyết trái pháp luật của HĐND cấp huyện và đề nghị HĐND cấp tỉnh hủy bỏ hoặc bãi bỏ; hủy bỏ văn bản trái pháp luật của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện ban hành.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện đình chỉ việc thi hành và hủy bỏ, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của UBND cấp xã; đình chỉ thi hành nghị quyết trái pháp luật của HĐND cấp xã và đề nghị HĐND cấp huyện hủy bỏ hoặc bãi bỏ; hủy bỏ văn bản trái pháp luật của Trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện ban hành.

Điều 18. Công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật

1. Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật phải được công bố công khai, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và phải được đăng công báo, đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (đối với văn bản của HĐND, UBND tỉnh ban hành); niêm yết tại trụ sở cơ quan ban hành hoặc các địa điểm khác do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định (đối với văn bản do cấp huyện và cấp xã ban hành), chậm nhất là sau 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định xử lý.

2. Đối với văn bản quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này thì kết quả xử lý phải được gửi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân mà trước đó văn bản đã được gửi; nếu văn bản đó đã được đăng trên Công báo, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng trên trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành hoặc được niêm yết thì kết quả xử lý cũng phải được công khai đăng, đưa tin trên các phương tiện thông tin đó.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trách nhiệm của UBND tỉnh

UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, xử lý văn bản trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và Quy chế này.

2. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, thành phố

a) Quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, xử lý văn bản trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

b) Thực hiện việc gửi văn bản do cơ quan mình ban hành đến Sở Tư pháp theo quy định. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo UBND tỉnh về công tác kiểm tra và xử lý văn bản.

c) Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức phòng Tư pháp, bố trí công chức chuyên trách làm công tác kiểm tra văn bản; tuyển dụng, bố trí công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đủ số lượng theo quy định, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

d) Phối hợp, tạo điều kiện cho cơ quan kiểm tra văn bản, Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản.

đ) Bảo đảm kinh phí và các điều kiện khác thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL theo quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Thực hiện việc gửi văn bản do cơ quan mình ban hành đến Phòng Tư pháp để kiểm tra theo quy định.

b) Thường xuyên tổ chức tự kiểm tra, xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan mình ban hành theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

4. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện, công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã tham mưu cho UBND cùng cấp thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 20. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh

a) Tổ chức tự kiểm tra văn bản ngay sau khi UBND tỉnh ban hành đối với những văn bản do cơ quan, đơn vị trình; khi phát hiện văn bản có nội dung trái pháp luật phải phối hợp với Sở Tư pháp đề xuất biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật và Quy chế này; tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh tự kiểm tra văn bản theo ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp giúp Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra và xử lý văn bản trái pháp luật do Hội đồng nhân dân, UBND cấp huyện ban hành có nội dung quy định về lĩnh vực quản lý của ngành mình.

c) Bố trí cán bộ, công chức có năng lực, trình độ làm công tác kiểm tra, rà soát văn bản thuộc lĩnh vực quản lý của ngành theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức kiểm điểm, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của cán bộ, công chức đã tham mưu soạn thảo, trình ban hành văn bản trái pháp luật; tùy theo tính chất, mức độ lỗi và nội dung trái pháp luật của văn bản để xử lý kỷ luật theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

b) Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế những văn bản không còn phù hợp để làm cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, xử lý văn bản trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác về kiểm tra và xử lý văn bản theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 21. Trách nhiệm của HĐND cấp huyện, cấp xã

1. HĐND cấp huyện, cấp xã phải thường xuyên tự kiểm tra và xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật do cơ quan mình ban hành; tổ chức tự kiểm tra và xử lý đối với những văn bản có nội dung trái pháp luật theo thông báo của cơ

quan kiểm tra văn bản hoặc yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan thông tin đại chúng.

2. Thực hiện việc gửi văn bản do cơ quan mình ban hành đến Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và các cơ quan giúp HĐND tự kiểm tra văn bản theo quy định.

3. Phối hợp, tạo điều kiện cho cơ quan kiểm tra văn bản, Đoàn kiểm tra văn bản liên ngành khi tiến hành kiểm tra văn bản do cơ quan mình ban hành.

4. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả công tác ban hành, kiểm tra và xử lý văn bản QPPL theo hướng dẫn của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

Điều 22. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý văn bản

1. Sở Tài chính căn cứ khả năng ngân sách địa phương tham mưu giúp UBND tỉnh cân đối kinh phí cho công tác kiểm tra và xử lý văn bản QPPL theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra và người làm công tác kiểm tra văn bản QPPL của cơ quan, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị.

3. UBND cấp huyện bảo đảm kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Tư pháp theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn bản trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp theo quy định.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Anh